

Số: 606 /KH-UBND An Giang, ngày 16 tháng 10 năm 2026

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Nghị định số 385/2026/NĐ-CP ngày 09/10/2026 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh An Giang

Căn cứ Nghị định số 385/2026/NĐ-CP ngày 09/10/2026 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính (sau đây gọi là Nghị định số 385/2026/NĐ-CP); Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Tổ chức quán triệt, triển khai đồng bộ, thống nhất, đúng thẩm quyền các quy định của Nghị định số 385/2026/NĐ-CP, có hiệu lực thi hành từ ngày 10 tháng 10 năm 2026; nâng cao hiệu quả kiểm soát việc quy định, thực hiện, rà soát, đánh giá thủ tục hành chính (TTHC), quản lý Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC và chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp.

Phân định rõ trách nhiệm của Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh, các sở, ban, ngành và UBND, Chủ tịch UBND cấp xã theo mô hình chính quyền địa phương 02 cấp; nâng cao trách nhiệm người đứng đầu, bảo đảm phối hợp chặt chẽ trong công tác kiểm soát TTHC.

2. Yêu cầu

Triển khai đầy đủ nội dung thuộc trách nhiệm của địa phương, bám sát các điều, khoản của Nghị định; không phát sinh thủ tục, thành phần hồ sơ, yêu cầu, điều kiện hoặc thẩm quyền ngoài quy định. Phân biệt trách nhiệm bắt buộc theo Nghị định với giải pháp tổ chức, phối hợp do tỉnh xác định để thực hiện hiệu quả.

Nhiệm vụ giao phải rõ cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp, nội dung, trách nhiệm, sản phẩm, thẩm quyền và thời gian thực hiện. Đối với nội dung có thời hạn pháp luật quy định, thực hiện đúng thời hạn; không ấn định thêm hạn xử lý nội bộ. Việc theo dõi tiến độ, báo cáo phải dựa trên dữ liệu, minh chứng thực tế.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Phổ biến, quán triệt và tổ chức đầu mối kiểm soát TTHC

Phổ biến đầy đủ nội dung Nghị định, nhất là quy định về phạm vi, khái niệm TTHC và TTHC nội bộ; chức năng tham mưu kiểm soát TTHC cấp tỉnh, cấp xã; đánh giá tác động; thẩm quyền, thời hạn công bố, công khai, cập nhật dữ liệu; rà soát, đánh giá sau ban hành và trách nhiệm người đứng đầu. Quán triệt việc Nghị định số 63/2010/NĐ-CP, Nghị định số 48/2013/NĐ-CP, Nghị định số 92/2017/NĐ-CP hết hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 10 năm 2026; phân biệt trường hợp chuyển tiếp theo Điều 39 Nghị định số 385/2026/NĐ-CP. Việc phổ biến, hướng dẫn nghiệp vụ phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị (Điều 1 đến Điều 5, Điều 38, Điều 39).

Văn phòng UBND tỉnh thực hiện chức năng tham mưu giúp UBND tỉnh về công tác kiểm soát TTHC. Ở cấp xã, Trung tâm Phục vụ hành chính công tham mưu giúp UBND, Chủ tịch UBND cấp xã theo khoản 4 Điều 5 Nghị định.

2. Kiểm soát việc quy định TTHC trong văn bản quy phạm pháp luật

Các cơ quan lập đề xuất chính sách, cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật xác định đúng thẩm quyền quy định TTHC, kiểm tra đầy đủ các bộ phận cấu thành của TTHC, đánh giá sự cần thiết, tính hợp lý, tính hợp hiến, hợp pháp và chi phí tuân thủ theo từng giai đoạn quy định tại Điều 12. Việc đánh giá tác động phải bao gồm mức độ ứng dụng công nghệ thông tin, khả năng thực hiện trên môi trường điện tử; thực hiện đánh giá về bảo đảm cạnh tranh và quản lý rủi ro đối với trường hợp thuộc Điều 13. Khi dự kiến ban hành TTHC mới thuộc diện phải thông báo, chính quyền địa phương cấp tỉnh (Sở, ban, ngành tỉnh hoặc Văn phòng UBND tỉnh) thực hiện thông báo đến Bộ Tư pháp, đăng tải, lấy ý kiến theo Điều 9 và Điều 11; trường hợp không phải thông báo trước thực hiện đúng Điều 10. Không quy định yêu cầu, điều kiện TTHC thuộc khoản 3 Điều 6 trong văn bản quy phạm pháp luật của địa phương. Tuân thủ các quy định tại Điều 6 đến Điều 14 Nghị định số 385/2026/NĐ-CP.

Văn phòng UBND tỉnh có ý kiến về quy định TTHC trong văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền ban hành của HĐND, UBND và Chủ tịch UBND cấp tỉnh theo điểm c khoản 2 Điều 11; đơn vị có chức năng kiểm soát TTHC cấp xã tham gia ý kiến theo điểm d khoản 2 Điều 11. Đối với việc thẩm định quy định về thủ tục hành chính, cơ quan tổ chức thẩm định bảo đảm sự tham gia của cơ quan, đơn vị kiểm soát TTHC trong trường hợp thẩm định thông qua Hội đồng, cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản; nội dung tham gia thẩm định thực hiện theo Điều 14 Nghị định. Việc thẩm định văn bản quy phạm pháp luật tiếp tục thực hiện theo pháp luật về ban hành văn bản quy phạm pháp luật, không thay đổi thẩm quyền thẩm định của cơ quan có chức năng.

3. Công bố, công khai, nhập và quản lý dữ liệu TTHC

Tổ chức công bố TTHC đúng chủ thể, phạm vi, nội dung theo Điều 16, bảo đảm thời hạn công bố tại khoản 1 Điều 17. Chủ tịch UBND tỉnh công bố TTHC thuộc phạm vi quy định tại điểm b khoản 1 Điều 16; Chủ tịch UBND cấp xã công bố TTHC thuộc phạm vi điểm c khoản 1 Điều 16. Trường hợp quy định TTHC để thực hiện phân quyền, phân cấp, ủy quyền hoặc giao quy định chi tiết, Chủ tịch UBND tỉnh công bố trên cơ sở quyết định công bố của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ và thực hiện cấu hình tiếp nhận, giải quyết trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC, Cổng Dịch vụ công quốc gia theo đoạn thứ hai điểm b khoản 1 Điều 16; không công bố thay TTHC thuộc thẩm quyền công bố của bộ, ngành nếu không thuộc trường hợp Nghị định quy định.

Tổ chức công khai TTHC đầy đủ, chính xác, kịp thời theo khoản 2 Điều 17. Đối với việc nhập, đăng tải, công khai TTHC đã công bố vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC, thực hiện chậm nhất 03 ngày làm việc kể từ ngày ký quyết định công bố của Chủ tịch UBND các cấp; trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 25 đối với văn bản ban hành theo trình tự, thủ tục rút gọn hoặc trong trường hợp đặc biệt có hiệu lực ngay từ ngày thông qua hoặc ký ban hành thì chậm nhất 02 ngày làm việc. Đối với công khai tại nơi tiếp nhận, giải quyết TTHC, Cổng thông tin điện tử tỉnh và các hình thức khác, thực hiện đầy đủ, chính xác, kịp thời theo khoản 2 Điều 17; không đồng nhất các yêu cầu này với thời hạn nhập, đăng tải vào Cơ sở dữ liệu quốc gia. Đối với TTHC nội bộ thuộc phạm vi Nghị định, tổ chức công bố, công khai trên Cơ sở dữ liệu quốc gia theo điểm b khoản 2 Điều 24; công khai tại các kênh khác theo khoản 3 Điều 17.

Quản lý tài khoản, tự rà soát, kết nối, chia sẻ dữ liệu, bảo đảm thống nhất thông tin TTHC giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia, Cổng thông tin điện tử tỉnh và nơi tiếp nhận, giải quyết theo Điều 24 đến Điều 27. Khi phát hiện sai lệch giữa các hình thức công khai, căn cứ quy định TTHC tại văn bản quy phạm pháp luật để rà soát, chỉnh lý quyết định công bố và thông tin công khai (khoản 5 Điều 17). Trường hợp Bộ Tư pháp thông báo lỗi hoặc thiếu sót dữ liệu đã đăng tải, thực hiện sửa chữa trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc theo khoản 3 Điều 25. Để các xã, phường, đặc khu triển khai thống nhất, Văn phòng UBND tỉnh phối hợp cơ quan có liên quan hướng dẫn, cung cấp mẫu tham khảo và thao tác nghiệp vụ công bố, công khai, kiểm tra dữ liệu TTHC; việc sử dụng tài khoản và phân quyền trên hệ thống phải tuân thủ hướng dẫn của cơ quan quản lý hệ thống và phạm vi thẩm quyền của từng cơ quan, người có thẩm quyền.

4. Nâng cao chất lượng tổ chức thực hiện TTHC

Các cơ quan, đơn vị trực tiếp giải quyết TTHC thực hiện đúng nguyên tắc công khai, khách quan, công bằng; bố trí công chức, viên chức đáp ứng yêu cầu;

hướng dẫn đầy đủ, chính xác, yêu cầu bổ sung hồ sơ rõ lý do và hướng dẫn đầy đủ trong một lần; không tự đặt thêm TTHC, hồ sơ, giấy tờ ngoài quy định; thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông và hỗ trợ nhóm đối tượng cần trợ giúp theo Điều 15, Điều 18 đến Điều 21.

Ưu tiên sử dụng dữ liệu điện tử, cung cấp thông tin một lần; kết quả giải quyết TTHC được cung cấp bằng hình thức điện tử, trường hợp cá nhân, tổ chức có yêu cầu hoặc pháp luật quy định thì trả bằng bản giấy (khoản 7 Điều 15). Tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị theo Điều 22 và pháp luật có liên quan. Trường hợp TTHC chưa được công khai trên Cơ sở dữ liệu quốc gia, khi cá nhân, tổ chức có yêu cầu, cơ quan nhà nước có thẩm quyền vẫn phải giải quyết theo quy định tại khoản 3 Điều 26; không tự đặt thêm hoặc áp dụng khác với nội dung TTHC tại văn bản quy phạm pháp luật.

5. Rà soát, đánh giá, cắt giảm và đơn giản hóa TTHC

UBND tỉnh chủ động đưa nội dung rà soát, đánh giá thuộc phạm vi quản lý vào kế hoạch kiểm soát, cải cách TTHC hằng năm và gửi Bộ Tư pháp trước ngày 31 tháng 01 của năm kế hoạch theo khoản 3 Điều 28. Lựa chọn nội dung ưu tiên dựa trên dữ liệu hồ sơ, chi phí tuân thủ, khó khăn, phản ánh, kiến nghị, khả năng liên thông, số hóa và các tiêu chí tại khoản 3 Điều 30.

Các sở, ban, ngành và UBND cấp xã phối hợp tổ chức rà soát TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết trên địa bàn theo Điều 29 đến Điều 33; đề xuất phương án sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ theo đúng thẩm quyền hoặc kiến nghị bộ, cơ quan ngang bộ xử lý đối với nội dung thuộc thẩm quyền trung ương (Điều 34).

6. Ứng dụng công nghệ, bảo đảm điều kiện, kiểm tra và xử lý chuyên tiếp

Khai thác Nền tảng số về kiểm soát TTHC do Bộ Tư pháp xây dựng, quản lý theo hướng dẫn (Điều 23); thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu và bảo đảm thống nhất thông tin theo Điều 27. Sử dụng kinh phí trong dự toán ngân sách và các nguồn hợp pháp theo Điều 35; thực hiện chế độ báo cáo, kiểm tra theo Điều 36, Điều 37. Trên cơ sở chức năng hệ thống và dữ liệu đã có, phối hợp nghiên cứu công cụ hỗ trợ theo dõi, cảnh báo tiến độ giải quyết hồ sơ; không đặt thêm thủ tục hay chế độ báo cáo độc lập.

Thực hiện đúng các quy định chuyển tiếp tại Điều 39 Nghị định: TTHC nội bộ đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành trước ngày 10 tháng 10 năm 2026 tiếp tục có hiệu lực cho đến khi được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ; đối với đề xuất chính sách, dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật đang thực hiện trước thời điểm Nghị định có hiệu lực, việc đánh giá tác động TTHC thực hiện theo pháp luật hiện hành tại thời điểm đề xuất chính sách, soạn thảo dự án, dự

thảo. Trong thời gian chức năng của Nền tảng số về kiểm soát TTHC chưa vận hành đầy đủ, việc thông báo dự kiến ban hành TTHC mới theo Điều 9 thực hiện bằng văn bản điện tử qua Trục liên thông văn bản quốc gia hoặc phương thức khác theo pháp luật; việc đăng tải, lấy ý kiến thực hiện theo pháp luật về ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

III. THỜI GIAN THỰC HIỆN

1. Từ ngày 10 tháng 10 năm 2026, tổ chức thực hiện các quy định của Nghị định số 385/2026/NĐ-CP; nhiệm vụ thường xuyên triển khai trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị.

2. Công bố TTHC: đối với quyết định công bố của Chủ tịch UBND các cấp và người đứng đầu cơ quan, đơn vị thuộc điểm b, c, d khoản 1 Điều 16, thực hiện chậm nhất trước 10 ngày tính đến ngày văn bản quy phạm pháp luật có quy định TTHC có hiệu lực thi hành (điểm b khoản 1 Điều 17). Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật được ban hành theo trình tự, thủ tục rút gọn hoặc trong trường hợp đặc biệt có hiệu lực kể từ ngày thông qua hoặc ký ban hành, quyết định công bố ban hành chậm nhất sau 03 ngày làm việc kể từ ngày công bố hoặc ký ban hành văn bản (điểm c khoản 1 Điều 17).

3. Nhập, đăng tải, công khai vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC: chậm nhất 03 ngày làm việc kể từ ngày ký quyết định công bố của Chủ tịch UBND các cấp; đối với trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 25 về văn bản ban hành theo trình tự, thủ tục rút gọn hoặc trong trường hợp đặc biệt có hiệu lực ngay từ ngày thông qua hoặc ký ban hành, chậm nhất 02 ngày làm việc kể từ ngày ký quyết định công bố. Khi có thông báo của Bộ Tư pháp về lỗi hoặc thiếu sót dữ liệu, sửa chữa trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc (Điều 25). Các kênh công khai khác thực hiện đầy đủ, chính xác, kịp thời theo khoản 2 Điều 17.

4. Kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC hằng năm gửi Bộ Tư pháp trước ngày 31 tháng 01 của năm kế hoạch. Báo cáo hằng tháng, quý, 06 tháng, năm và báo cáo đột xuất thực hiện theo Điều 36, hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; kiểm tra định kỳ hằng năm hoặc đột xuất theo Điều 37.

IV. PHỐI HỢP, THEO DÕI, BÁO CÁO VÀ XỬ LÝ VIOLÁC

1. Phối hợp thực hiện

Cơ quan chủ trì từng nhiệm vụ chủ động phối hợp cơ quan có liên quan; cung cấp thông tin, hồ sơ, căn cứ pháp lý, sản phẩm và kết quả xử lý để phục vụ công tác theo dõi, tổng hợp. Việc phối hợp phải bảo đảm không thay đổi thẩm quyền quyết định, công bố, sửa đổi hoặc xử lý TTHC do pháp luật quy định.

2. Theo dõi và kiểm tra

Văn phòng UBND tỉnh tham mưu UBND tỉnh theo dõi, đôn đốc tiến độ, tổ chức kiểm tra theo Điều 37 Nghị định số 385/2026/NĐ-CP; chú trọng tính chính xác của quyết định công bố, nội dung công khai, dữ liệu TTHC, việc thực hiện cơ chế một cửa, phản ánh, kiến nghị và kết quả rà soát. Phối hợp hướng dẫn sử dụng mẫu theo dõi, cảnh báo trên cơ sở dữ liệu hiện có của Hệ thống thông tin giải quyết TTHC và các hệ thống liên quan; ưu tiên nhận diện hồ sơ sắp đến hạn, quá hạn, phải bổ sung nhiều lần, bị trả lại, dừng xử lý bất thường và phản ánh, kiến nghị chưa xử lý. Mẫu theo dõi chỉ phục vụ công tác quản trị, điều hành, không tạo thêm nghĩa vụ cung cấp dữ liệu trùng lặp, không hình thành chế độ báo cáo mới ngoài quy định tại Điều 36 và hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

3. Thông tin, báo cáo

Các sở, ban, ngành và UBND cấp xã phối hợp cung cấp số liệu, tài liệu theo chức năng để UBND tỉnh báo cáo Bộ Tư pháp theo chế độ định kỳ hằng tháng, quý, 06 tháng, năm hoặc đột xuất theo yêu cầu. Việc thực hiện báo cáo điện tử qua Nền tảng số, thời điểm và biểu mẫu thực hiện theo Điều 36 và hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.

4. Xử lý khó khăn, vướng mắc

Cơ quan, đơn vị phát hiện vướng mắc chủ động kiểm tra quy định pháp luật, xác định nguyên nhân, tập hợp hồ sơ, dữ liệu chứng minh và giải quyết theo thẩm quyền; trường hợp vượt thẩm quyền thì báo cáo UBND tỉnh (qua Văn phòng UBND tỉnh) để tổng hợp, tham mưu gửi cơ quan trung ương có thẩm quyền hướng dẫn, giải quyết. Những vướng mắc kỹ thuật, kết nối dữ liệu được phối hợp với cơ quan quản lý hệ thống và Sở Khoa học và Công nghệ theo chức năng, nhiệm vụ.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện Kế hoạch được bảo đảm từ ngân sách nhà nước trong dự toán chi ngân sách hằng năm của các cơ quan, đơn vị theo phân cấp ngân sách và từ các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật; việc quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện theo Điều 35 Nghị định số 385/2026/NĐ-CP, pháp luật về ngân sách nhà nước và các quy định có liên quan.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các sở, ban, ngành tỉnh

Thủ trưởng các sở, ban, ngành tổ chức quán triệt, thực hiện Nghị định trong phạm vi quản lý; khi được giao lập đề xuất chính sách, chủ trì soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật có quy định TTHC, thực hiện đánh giá tác động, thông báo dự kiến ban hành TTHC mới trong trường hợp phải thông báo, lấy ý kiến, tiếp

thu, giải trình và phối hợp thẩm định quy định về TTHC theo Điều 6 đến Điều 14. Chủ trì tham mưu trình Chủ tịch UBND tỉnh công bố TTHC thuộc phạm vi thẩm quyền theo Điều 16 và Điều 17; phối hợp thực hiện công khai, nhập, tự rà soát, quản lý dữ liệu theo Điều 24 đến Điều 27; tổ chức giải quyết TTHC đúng quy định, xử lý phản ánh, kiến nghị; rà soát, đánh giá, đề xuất phương án đơn giản hóa theo thẩm quyền; cung cấp số liệu, kết quả phục vụ chế độ báo cáo và kiểm tra. Không tự quy định thêm thủ tục, thành phần hồ sơ hoặc tự công bố TTHC ngoài thẩm quyền.

2. UBND cấp xã

Chủ tịch UBND cấp xã chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện hoạt động kiểm soát TTHC trên địa bàn; công bố TTHC đúng phạm vi thẩm quyền theo điểm c khoản 1 Điều 16; tổ chức nhập, đăng tải, công khai, quản lý tài khoản, tự rà soát và bảo đảm tính thống nhất của dữ liệu theo Điều 17, Điều 24 đến Điều 27; bảo đảm thời hạn 10 ngày trước hiệu lực trong trường hợp thông thường, chậm nhất sau 03 ngày làm việc trong trường hợp thuộc điểm c khoản 1 Điều 17 và thời hạn nhập, đăng tải tương ứng theo khoản 2 Điều 25. Tổ chức giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông; hướng dẫn, hỗ trợ tổ chức, cá nhân, tiếp nhận và xử lý phản ánh, kiến nghị; phối hợp rà soát, đánh giá, kiểm tra và thực hiện chế độ báo cáo theo quy định. Phân công Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã hoặc Văn phòng HĐND và UBND cấp xã thực hiện chức năng tham mưu theo đúng mô hình tổ chức tại khoản 4 Điều 5 Nghị định; không giao cấp xã thực hiện thay thẩm quyền công bố của bộ hoặc Chủ tịch UBND tỉnh. Chủ động phân công đầu mối tiếp nhận hướng dẫn nghiệp vụ, kiểm tra dữ liệu, phản ánh lỗi tài khoản hoặc phân quyền theo quy định; phối hợp Văn phòng UBND tỉnh, cơ quan quản lý hệ thống và đầu mối kỹ thuật để xử lý khó khăn, vướng mắc; không tự thực hiện chức năng quản trị tài khoản thuộc thẩm quyền cơ quan quản lý nền tảng Trung ương.

3. Sở Tư pháp

Theo chức năng, nhiệm vụ được giao, phối hợp với cơ quan chủ trì đề xuất chính sách, soạn thảo, Văn phòng UBND tỉnh trong quá trình xây dựng, thẩm định quy định về thủ tục hành chính trong văn bản quy phạm pháp luật theo Điều 14 Nghị định số 385/2026/NĐ-CP và pháp luật về ban hành văn bản quy phạm pháp luật; tham gia rà soát tính hợp pháp, thẩm quyền ban hành và xử lý văn bản quy phạm pháp luật có quy định về TTHC trái pháp luật theo khoản 4 Điều 34 và pháp luật có liên quan. Việc tham gia này không thay thế chức năng tham mưu kiểm soát TTHC của Văn phòng UBND tỉnh tại khoản 3 Điều 5.

4. Sở Khoa học và Công nghệ

Theo chức năng, nhiệm vụ được giao, phối hợp Văn phòng UBND tỉnh, cơ quan quản lý hệ thống và các đơn vị kỹ thuật có liên quan hướng dẫn cấp xã tiếp cận đầu mối hỗ trợ kỹ thuật, kiểm tra điều kiện kết nối, chia sẻ dữ liệu, khai thác Hệ thống thông tin giải quyết TTHC; hỗ trợ xử lý vướng mắc về tài khoản, phân quyền sử dụng theo hướng dẫn, thẩm quyền của cơ quan quản lý hệ thống. Phối hợp bảo đảm hạ tầng, an toàn thông tin và đồng bộ dữ liệu thuộc trách nhiệm địa phương. Việc xây dựng, quản lý, vận hành Nền tảng số về kiểm soát TTHC và quản lý Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC thuộc trách nhiệm của Bộ Tư pháp theo Điều 23 và Điều 27 Nghị định; không giao Sở thực hiện thay nhiệm vụ của cơ quan Trung ương.

5. Sở Tài chính

Căn cứ khả năng cân đối ngân sách, Sở Tài chính phối hợp Văn phòng UBND tỉnh và các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan tham mưu UBND tỉnh kinh phí thực hiện Kế hoạch từ nguồn ngân sách nhà nước và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định về phân cấp của Luật Ngân sách nhà nước.

6. Sở Nội vụ

Theo chức năng, nhiệm vụ được giao, phối hợp Văn phòng UBND tỉnh và các cơ quan liên quan trong công tác cải cách hành chính; hướng dẫn, phối hợp việc bố trí, đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực đội ngũ công chức, viên chức thực hiện, kiểm soát TTHC, gắn với trách nhiệm người đứng đầu theo Điều 18, Điều 19; phối hợp theo dõi kỷ luật, kỷ cương hành chính theo thẩm quyền.

7. Báo và phát thanh, truyền hình An Giang

Phối hợp tổ chức thông tin, tuyên truyền các quy định mới của Nghị định; giới thiệu quyền, nghĩa vụ của cá nhân, tổ chức khi thực hiện TTHC, địa chỉ tra cứu thông tin chính thức, quyền phản ánh, kiến nghị và lợi ích của việc sử dụng dịch vụ công trực tuyến; bảo đảm thông tin được đối chiếu với quyết định công bố và Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC. Đây là nhiệm vụ tuyên truyền được giao trong Kế hoạch, không phải thẩm quyền công bố TTHC.

8. Cổng thông tin điện tử tỉnh

Đơn vị quản lý, vận hành Cổng thông tin điện tử tỉnh thực hiện công khai TTHC thuộc trách nhiệm công khai của UBND tỉnh trên cơ sở kết nối, tích hợp với Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC theo điểm c khoản 2 Điều 17; phối hợp Văn phòng UBND tỉnh và sở, ban, ngành cập nhật thông tin tuyên truyền, hướng dẫn, xử lý thông tin sai lệch thuộc phạm vi quản lý. Cổng thông tin điện tử tỉnh là kênh thông tin, không phải cơ quan ban hành quyết định công bố TTHC.

9. Văn phòng UBND tỉnh

Là cơ quan tham mưu giúp UBND tỉnh thực hiện công tác kiểm soát TTHC theo khoản 3 Điều 5 Nghị định số 385/2026/NĐ-CP; chủ trì tham mưu tổ chức phổ biến, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc thực hiện Kế hoạch; tham gia ý kiến đối với quy định TTHC theo điểm c khoản 2 Điều 11; kiểm soát hồ sơ trình công bố thuộc thẩm quyền Chủ tịch UBND tỉnh và phối hợp theo dõi chất lượng công khai, quản trị dữ liệu, rà soát, đánh giá TTHC. Hướng dẫn nghiệp vụ công bố, công khai, kiểm tra đối chiếu dữ liệu; cung cấp biểu mẫu tham khảo và quy trình thao tác phục vụ cấp xã trên cơ sở hướng dẫn của Bộ Tư pháp, không thay thế thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp xã. Phối hợp Sở Khoa học và Công nghệ, cơ quan quản lý hệ thống và các đầu mối có liên quan hướng dẫn cơ chế hỗ trợ tài khoản, phân quyền, xử lý lỗi kỹ thuật theo đúng thẩm quyền. Chủ trì đề xuất và hướng dẫn mẫu theo dõi, cảnh báo hồ sơ từ dữ liệu sẵn có để phục vụ quản trị, không tạo chế độ báo cáo độc lập. Tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh thực hiện chế độ báo cáo, kiểm tra, xử lý vướng mắc theo Điều 36 và Điều 37; không thực hiện thay thẩm quyền công bố của Chủ tịch UBND tỉnh hoặc Chủ tịch UBND cấp xã.

Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh, Chủ tịch UBND các xã, phường, đặc khu và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền và nội dung được phân công tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc Kế hoạch và Phụ lục kèm theo; chủ động phối hợp, xử lý nội dung thuộc thẩm quyền. Trường hợp phát sinh khó khăn, vướng mắc vượt thẩm quyền, gửi UBND tỉnh (qua Văn phòng UBND tỉnh) để tổng hợp, tham mưu xem xét, xử lý hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền hướng dẫn.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ (báo cáo);
- Bộ Tư pháp (báo cáo);
- TT.TU, TT. HĐND tỉnh (báo cáo);
- Đảng ủy UBND tỉnh (báo cáo);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND xã, phường, đặc khu;
- Báo và Phát thanh, truyền hình An Giang;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh An Giang;
- Vp. UBND tỉnh: LĐVP, phòng, ban, trung tâm;
- Lưu: VT, nthur, "HT".

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thanh Phong